

TP Thanh hóa, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Số: 173/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Đình L - sinh năm 1991

ĐKKH: Thôn K, xã T, huyện C, Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Phạm Thị Thu U - Sinh năm 1996

Trú tại: Phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Đình L và chị Phạm Thị Thu U kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến hạnh phúc được một thời ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cách sống khác nhau dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh chị đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh L và chị U không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thỏa thuận của anh chị là có căn cứ nên công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về con: Anh chị có 01 con chung: cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 18/10/2021. Anh chị thống nhất giao cháu N cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời

gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Xét việc thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[3] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh chị thỏa thuận chị U chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn anh Nguyễn Đình L và chị Phạm Thị Thu U

- Về con: Anh chị có 01 con chung: cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 18/10/2021. Giao cháu N cho chị U trực tiếp nuôi dưỡng, anh L cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000đ/tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3/2023 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Kim N phải nộp 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002815 ngày 28/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị U đã nộp đủ lệ phí)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS TPTH;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Thủy